

Số: 53 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt Chương  
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát  
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026  
- 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban  
hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số  
854/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn  
mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 để đánh giá thực trạng và mức độ đạt các tiêu chí đối với các xã trên địa bàn tỉnh An Giang, căn cứ để thẩm tra, thẩm định và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 (chi tiết tại Phụ lục).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh phụ trách tiêu chí, nội dung tiêu chí:

a) Hướng dẫn đánh giá chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể các tiêu chí, nội dung tiêu chí đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thẩm tra, đánh giá, các tiêu chí, nội dung tiêu chí được giao phụ trách, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ (6 tháng, hàng năm) và đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh liên quan chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện đạt chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững).

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

##### ***Nơi nhận:***

- Ban Chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Phòng: QLCCTMTQG, KT, KGVX, TH;
- Lưu: VT, vdcâu "HT".

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phước**

**Phụ lục**

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 là xã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030)
2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm.
3. Đạt Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, gồm các tiêu chí, nội dung tiêu chí sau:

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đơn vị phụ trách
1	Bảo đảm hạ tầng số	1.1. Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ phủ sóng 5G trên tổng dân số của xã.	$\geq 70\%$	
		1.3. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	100%	
2	Sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	Tỷ lệ hộ dân có sử dụng điện năng lượng mới hoặc điện năng lượng tái tạo để phục vụ cho sinh hoạt gia đình (không phân biệt công suất nguồn phát điện)	$\geq 20\%$	Sở Công Thương
3	Có mô hình nông nghiệp thông minh	Mô hình nông nghiệp thông minh được chuyển giao và ứng dụng tại địa phương có hiệu quả	$\geq 01$ mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đơn vị phụ trách
4	Phát triển toàn diện kinh tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	4.1. Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử <sup>1</sup> .	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.2. Có ít nhất 50% sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP nông nghiệp áp dụng truy xuất nguồn gốc và 100% sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên áp dụng truy xuất nguồn gốc <sup>2</sup>	Đạt	
		4.3. Có điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP	≥01 điểm	
		4.4. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	≥70%	Sở Khoa học và Công nghệ
		4.5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	>70%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Phát triển toàn diện văn hóa, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5.1. Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của UBND cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số.	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		5.2. Các cơ sở dữ liệu văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa do UBND cấp xã quản lý được số hóa, chuẩn hóa và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu của UBND cấp tỉnh hoặc hệ thống chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Đạt	
		5.3. Thư viện cấp xã từng bước ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, hiện đại hóa Thư viện; Tiếp nhận tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện từ thư viện cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác	Đạt	

<sup>1</sup> và <sup>2</sup> trừ nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điem du lịch

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đơn vị phụ trách
		5.4. Tỷ lệ các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyên đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ	100%	
6	Phát triển toàn diện giáo dục trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	6.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		6.2. Tỷ lệ trường Tiểu học, THCS (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia	100%	
		6.3. Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	≥90%	
		6.4. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	≥60%	
		6.5. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	≥25%	
7	Phát triển toàn diện y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	7.1. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực y tế (cơ sở y tế có triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, ứng dụng hệ thống khám, chữa từ xa, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, có cung cấp thủ tục hành chính trực tuyến trong lĩnh vực y tế theo phân cấp tại xã).	Đạt	Sở Y tế
		7.2. Nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo (có nhân viên y tế tham gia nghiên cứu khoa học, có sáng kiến, giải pháp đổi mới, sáng tạo)	Đạt	
		7.3. Đào tạo nguồn nhân lực (nhân viên y tế được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới)	Đạt	

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đơn vị phụ trách
		sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế)		
8	Bảo đảm an sinh xã hội	8.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1,5\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 95\%$	Sở Xây dựng
		8.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 60\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.4. Số hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	$\geq 25$ hộ/năm	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
9	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	9.1. Lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ ( <i>bao gồm cả các lớp theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ) và có chứng nhận hoàn thành theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	100%	Sở Nội vụ
		9.2. Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	10.1. Có Câu lạc bộ hoặc mô hình Phòng, chống bạo lực gia đình	$\geq 02$ Câu lạc bộ (mô hình)	Sở Văn hóa và Thể thao
		10.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang	100%	

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đơn vị phụ trách
		10.3. Điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em	100%	
		10.4. Hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình	100%	
		10.5. Tỷ lệ người tham gia công tác xã hội trong cộng đồng được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức	90%	
		10.6. Số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, giải quyết kịp thời theo quy định pháp luật	98%	
11	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	11.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý	≥90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		11.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp	≤30%	
		11.3. Cảnh quan xanh- sạch- đẹp, an toàn (Ít nhất 80% số km đường xã, liên xã, đường trục nông thôn, liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh hoa hoặc thảm cỏ; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2m <sup>2</sup> /người)	Đạt	
12	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	12.1. An ninh trật tự được đảm bảo	Đạt	Công an tỉnh
		12.2. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	